

Bản án số: 46/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 30- 9- 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đích.
2. Ông Nguyễn Văn Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phú Huy- Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2023/QĐST-HPT ngày 09 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị Kim A**, sinh năm: 1995. Nơi ĐKKHKT: Phòng 509 Khu chung cư A4 đường N, tổ 28, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Số 31 đường L, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trương Công Q**, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: Phòng 509 Khu chung cư A4 đường N, tổ 28, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Kim A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xây dựng gia đình với ông Trương Công Q vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng vào năm 2014.

Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay, nguyên nhân là do quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã, nói năng xúc phạm nhau, ông Q không có trách nhiệm với gia đình, thỉnh thoảng có uống rượu vào gây gỗ đánh đập bà. Do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nên bà về nhà cha mẹ sống từ năm 2019 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả, vì vậy bà xin được ly hôn với ông Trương Công Q.

- Về nuôi con chung: Bà Ngô Thị Kim A xác định có 02 con chung là Trương Công D, sinh ngày: 25/9/2013 và Trương Huyền Trúc N, sinh ngày: 02/11/2015. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà A có nguyện vọng xin được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Kim A xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Ngô Thị Kim A xác định không có nợ chung.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trương Công Q đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án ly hôn nhưng ông Trương Công Q không đến Tòa án nên không ghi được lời trình bày.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của bà Ngô Thị Kim A đối với ông Trương Công Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Kim A được ly hôn với ông Trương Công Q.

- Về quan hệ con chung: Giao cả hai con chung là Trương Công D, sinh ngày: 25/9/2013 và Trương Huyền Trúc N, sinh ngày: 02/11/2015 cho bà Ngô Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, ông Trương Công Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn đang cư trú tại Phòng 509 Khu chung cư A4 đường Nguyễn Đăng Giai, tổ 28, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa bị đơn

vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn và bị đơn xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mân Thái, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng vào năm 2014. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã, nói năng xúc phạm nhau, bị đơn không có trách nhiệm với gia đình, thỉnh thoảng có uống rượu vào gây gỗ đánh đập nguyên đơn. Do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nên nguyên đơn về nhà cha mẹ sống từ năm 2019 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên nguyện vọng của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn. Còn bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần để hoà giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn không chấp hành. Điều này thể hiện bị đơn vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân bị đơn không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với nguyên đơn nữa, Tòa án đã ra thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để bị đơn biết có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, mặt khác mâu thuẫn vợ chồng cũng phù hợp với các thông tin mà chính quyền địa phương nơi ông, bà đang cư trú cung cấp. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về nuôi con chung: Con chung giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 người là Trương Công D, sinh ngày: 25/9/2013 và Trương Huyền Trúc N, sinh ngày: 02/11/2015. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn có nguyện vọng xin được nuôi cả hai người con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xin được nuôi cả hai con chung thì thấy hiện nay hai người con nhỏ đang được nguyên đơn nuôi dưỡng và phát triển tốt, bị đơn vắng mặt nên không biết nguyện vọng của bị đơn như thế nào về nuôi con chung, hai con nhỏ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ vì vậy HĐXX thấy rằng không cần thiết phải xáo trộn cuộc sống của hai con mà nên tiếp tục giao cả hai con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với cuộc sống hiện tại của con cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bị đơn vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung và nợ chung của vợ chồng là có hay không, do đó HĐXX thấy cần phải tách phần tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì Tòa án có thẩm quyền sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[9] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ‘Ly hôn, nuôi con chung’ của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim A đối với bị đơn ông Trương Công Q.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Kim A được ly hôn với ông Trương Công Q (Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01 ngày 04/3/2014, tại Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý)..

2. Về quan hệ con chung:

Giao cả hai con chung Trương Công D, sinh ngày: 25/9/2013 và Trương Huyền Trúc N, sinh ngày: 02/11/2015 cho bà Ngô Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Trương Công Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đồng bà Ngô Thị Kim A phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 03801 ngày 02 tháng 6 năm 2023.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường M, quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thy Tuyết

